



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**MILINDAPAÑHAPĀḶI**

**&**

**MILINDA VẤN ĐẠO**

## 10. DHAMMADESANĀYA APPOSSUKABHĀVAPAÑHO

1. “Bhante nāgasena, tumhe bhaṇatha: **‘Tathāgatena catūhi ca asaṅkheyyehi<sup>1</sup> kappānaṃ kappasatasahassena<sup>2</sup> ca etthantare sabbaññutaññaṃ paripācitaṃ mahato janakāyassa samuddharaṇāya** ’ti. Puna ca **‘sabbaññutaṃ pattassa appossukkatāya cittaṃ nami no dhammadesanāya** ’ti.

Yathā nāma bhante nāgasena issāso vā issāsantevāsī vā bahuke divase saṅgāmatthāya upāsaṇaṃ sikkhitvā sampatte mahāyuddhe osakkeyya. Evameva kho bhante nāgasena tathāgatena catūhi ca asaṅkheyyehi kappānaṃ kappasatasahassena ca etthantare sabbaññutaññaṃ paripācetaṃ mahato janakāyassa samuddharaṇāya sabbaññutaṃ pattena dhammadesanāya osakkitam.

Yathā vā pana bhante nāgasena mallo vā mallantevāsī vā bahuke divase nibbuddhaṃ sikkhitvā sampatte mallayuddhe osakkeyya, evameva kho bhante nāgasena tathāgatena catūhi ca asaṅkheyyehi kappānaṃ kappasatasahassena ca etthantare sabbaññutaññaṃ paripācetaṃ mahato janakāyassa samuddharaṇāya sabbaññutaṃ pattena dhammadesanāya osakkitam.

2. Kinu kho bhante nāgasena tathāgatena bhayā osakkitam? Udāhu apākaṭatāya osakkitam? Udāhu dubbalatāya osakkitam? Udāhu asabbaññutāya osakkitam? Kiṃ tattha kāraṇam. Ingha me tvaṃ kāraṇam brūhi kaṅkhāvitaraṇāya. Yadi bhante nāgasena tathāgatena catūhi ca asaṅkheyyehi kappānaṃ kappasatasahassena ca etthantare sabbaññutaññaṃ paripācitaṃ mahato janakāyassa samuddharaṇāya, tena hi ‘sabbaññutaṃ pattassa appossukkatāya cittaṃ nami no dhammadesanāya ’ti yaṃ vacanaṃ, taṃ micchā. Yadi sabbaññutaṃ pattassa appossukkatāya cittaṃ nami no dhammadesanāya, tena hi ‘tathāgatena catūhi ca asaṅkheyyehi kappānaṃ kappasatasahassena ca etthantare sabbaññutaññaṃ paripācitaṃ mahato janakāyassa samuddharaṇāya ’ti tampi vacanaṃ micchā. Ayampi ubhato-koṭiko pañho gambhīro dunnibbeṭho tavānuppatto. So tayā nibbāhitabbo ”ti.

3. “Paripācitañca mahārāja tathāgatena catūhi ca asaṅkheyyehi kappānaṃ kappasatasahassena ca etthantare sabbaññutaññaṃ mahato janakāyassa samuddharaṇāya. Pattasabbaññutaññaṃ ca appossukkatāya cittaṃ nami, no dhammadesanāya. Tañca pana dhammassa gambhīra-nipuṇa-duddasa-duranubodha-sukhuma-duppaṭivedhataṃ sattānañca ālayārāmatam sakkāyadiṭṭhiyā dalhasuggahitatanca disvā ‘Kinu kho?’ Kathannu kho ’ti? appossukkatāya cittaṃ nami, no dhammadesanāya. Sattānaṃ paṭivedhacintanamānasam yevetaṃ.

<sup>1</sup> asaṅkheyyehi - Ma, evaṃ sabbattha.

<sup>2</sup> kappānaṃ satasahassena - Ma, evaṃ sabbattha.

## 10. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG NỖ LỰC TRONG VIỆC THUYẾT GIẢNG GIÁO PHÁP:

1. “Thưa ngài Nāgasena, ngài nói rằng: ‘**Trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí Toàn Tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng.**’ Và thêm nữa: ‘**Tâm của vị đạt đến phẩm vị Toàn Tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng Giáo Pháp.**’

Thưa ngài Nāgasena, giống như viên xạ thủ, hoặc các học trò của viên xạ thủ, sau khi học tập thuật bắn cung vì mục đích chiến trận trong nhiều ngày, đến khi cuộc chiến đấu lớn xảy ra thì có thể thối lui. Thưa ngài Nāgasena, tương tự y như thế trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí Toàn Tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, nhưng khi đã đạt đến phẩm vị Toàn Tri thì Ngài đã thối lui trong việc thuyết giảng Giáo Pháp.

Thưa ngài Nāgasena, hoặc là giống như người võ sĩ đấu vật, hoặc các học trò của người võ sĩ đấu vật, sau khi học tập thuật đấu vật trong nhiều ngày, đến khi trận đấu lớn xảy ra thì có thể thối lui. Thưa ngài Nāgasena, tương tự y như thế trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí Toàn Tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, nhưng khi đã đạt đến phẩm vị Toàn Tri thì Ngài đã thối lui trong việc thuyết giảng Giáo Pháp.

2. Thưa ngài Nāgasena, phải chăng đức Như Lai đã thối lui vì sợ hãi? Hay đã thối lui vì chưa được rèn rũ? Hay đã thối lui vì năng lực yếu kém? Hay đã thối lui vì chưa phải phẩm vị Toàn Tri? Ở đây, điều gì là lý do? Nào, xin ngài hãy nói lý do cho trăm nhằm vượt qua nỗi nghi hoặc.

Thưa ngài Nāgasena, nếu trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí Toàn Tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, như thế thì lời nói rằng: ‘Tâm của vị đạt đến phẩm vị Toàn Tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng Giáo Pháp’ là sai trái. Nếu tâm của vị đạt đến phẩm vị Toàn Tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng Giáo Pháp, như thế thì lời nói rằng: ‘Trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí Toàn Tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng’ cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, thâm sâu, khó tháo gỡ, được dành cho ngài. Nó nên được giải quyết bởi ngài.”

3. “Tâu đại vương, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, trí Toàn Tri đã được đức Như Lai làm cho chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng. Và tâm của vị đạt đến trí Toàn Tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng Giáo Pháp. Và lại, sau khi nhìn thấy tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thấu triệt của Giáo Pháp, trạng thái ham thích tiềm ẩn của chúng sanh, và tính chất bám víu cứng nhắc vào quan điểm của chính mình, (thì nghĩ rằng): ‘(Thuyết giảng) về cái gì? Bằng cách nào?’ và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng Giáo Pháp. Sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh chính là điều này.

Yathā mahārāja bhisakko sallakatto anekabyādhiparipīlitaṃ naraṃ upasaṅkamitvā evaṃ cintayati: ‘Kena nu kho upakkamena katamena vā bhesajjena imassa byādhi vūpasameyyā ’ti?’<sup>1</sup> Evameva kho mahārāja tathāgatassa sabbakilesabyādhiparipīlitaṃ janaṃ dhammassa ca gambhīra-nipuṇa-duddasa-duranubodhi-sukhuma-duppaṭivedhataṃ disvā ‘Kinnu kho? Kathannu kho ’ti? appossukkatāya cittaṃ nami, no dhammadesanāya. Sattānaṃ paṭivedhacintanamānasamyevetam.

4. Yathā mahārāja rañño khattiyassa muddhāvasittassa dovārika-anikaṭṭha-pārisajja-negama-bhaṭa-balattha<sup>2</sup>-amacca-rājañña-rājūpajīvino<sup>3</sup> jane disvā evaṃ cittaṃuppajjeyya: ‘Kinnu kho? Kathannu kho ime saṃgaṇhissāmī ’ti? Evameva kho mahārāja tathāgatassa dhammassa gambhīra-nipuṇa-duddasa-duranubodha-sukhuma-duppaṭivedhataṃ sattānañca ālayārāmatam sakkāyaditṭhiyā dalhasuggahitatañca disvā ‘Kinnu kho? Kathannu kho ’ti? appossukkatāya cittaṃ nami, no dhammadesanāya. Sattānaṃ paṭivedhacintanamānasam yevevam.

5. Api ca mahārāja sabbesaṃ tathāgatānaṃ dhammatā esā yaṃ brahmunā āyācitā dhammaṃ desenti. Tattha pana kiṃ kāraṇaṃ? Ye tena samayena manussā tāpasaparibbājakā samaṇabrāhmaṇā, sabbe te brahma-devatā honti brahmagarukā brahmaparāyaṇā. Tasmā ‘tassa balavato yasavato ñātassa paññātassa uttarassa accuggatassa onamanena sadevako loko onamissati okappessati adhimuccissati ’ti iminā ca mahārāja kāraṇena tathāgatā brahmunā āyācitā dhammaṃ desenti.

Yathā mahārāja koci rājā vā rājamahāmatto vā yassa onamati, apacitiṃ karoti, balavatarassa tassa onamanena avasesā janatā onamati, apacitiṃ karoti, evameva kho mahārāja brahme onamite tathāgatānaṃ sadevako loko onamissati. Pūjitaṃpūjako mahārāja loko. Tasmā so brahmā sabbesaṃ tathāgatānaṃ āyācati dhammadesanāya. Tena ca kāraṇena tathāgatā brahmunā āyācitā dhammaṃ desenti ”ti.

“Sādhu bhante nāgasena! Sunibbethito pañho. Atibhadraṃ veyyākaraṇaṃ. Evamevaṃ tathā sampācicchāmī ”ti.

### **Bhagavato dhammadesanāya appossukabhāvapañho dasamo.**

\*\*\*\*\*

<sup>1</sup> vūpasameyyā ti - Ma, PTS.

<sup>2</sup> bala - Ma.

<sup>3</sup> rājūpajīvine - Ma, PTS.

Tâu đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật, sau khi đi đến gặp người bị hành hạ bởi nhiều căn bệnh, thì suy nghĩ như vậy: ‘Bằng cách thức gì, hoặc với phương thuốc nào thì căn bệnh của người này có thể được lắng xuống?’ Tâu đại vương, tương tự y như thế đối với đức Như Lai, sau khi nhìn thấy loài người bị hành hạ bởi mọi căn bệnh phiền não và tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thấu triệt của Giáo Pháp, (thì nghĩ rằng): ‘(Thuyết giảng) về cái gì? Bằng cách nào?’ và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng Giáo Pháp. Sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh chính là điều này.

4. Tâu đại vương, giống như đối với đức vua dòng Sát-đế-ly đã được phong vương (rưới nước thơm ở đầu), sau khi nhìn thấy những người giữ cổng, lính gác, quân thân, thị dân, nhân công, quân đội, quan đại thần, hoàng tộc, và thuộc hạ thì có thể khởi tâm như vậy: “Trẫm sẽ hậu đãi cái gì cho những người này? bằng cách nào?” Tâu đại vương, tương tự y như thế đối với đức Như Lai, sau khi nhìn thấy tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thấu triệt của Giáo Pháp, trạng thái ham thích tiềm ẩn của chúng sanh, và tính chất bám víu cứng nhắc vào quan điểm của chính mình, và tính chất bám víu cứng nhắc vào quan điểm của chính mình (thì nghĩ rằng): ‘(Thuyết giảng) về cái gì? Bằng cách nào?’ và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng Giáo Pháp. Sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh chính là điều này.

5. Tâu đại vương, thêm nữa điều này là quy luật của các đức Như Lai, là việc các Ngài thuyết giảng Giáo Pháp khi được Phạm Thiên thỉnh cầu. Vậy trong trường hợp ấy, điều gì là lý do? Vào lúc bấy giờ, tất cả các vị đạo sĩ khổ hạnh, du sĩ, Sa-môn, Bà-la-môn là những người thờ phụng đấng Brahmā, kính trọng đấng Brahmā, nương tựa đấng Brahmā. Do đó, (nghĩ rằng): ‘Với sự hạ mình của vị (Brahmā) có năng lực, có danh vọng, được biết tiếng, được nổi tiếng, hơn hẳn, được vượt trội ấy, thì thế gian luôn cả chư Thiên sẽ hạ mình, sẽ tin tưởng, sẽ quy thuận (Ta).’ Tâu đại vương, và vì lý do này mà đức Như Lai thuyết giảng Giáo Pháp khi được Phạm Thiên thỉnh cầu.

Tâu đại vương, giống như vị vua nào đó, hoặc quan đại thần của vị vua, hạ mình, thể hiện sự cung kính đối với người nào, do sự hạ mình của vị ấy đối với người có năng lực trội hơn, mà số dân chúng còn lại hạ mình, thể hiện sự cung kính. Tâu đại vương, tương tự y như thế khi Phạm Thiên hạ mình đối với các đức Như Lai thì thế gian luôn cả chư Thiên sẽ hạ mình. Tâu đại vương, thế gian tôn vinh bậc đã được tôn vinh. Do đó, vị Phạm Thiên ấy thỉnh cầu tất cả các đức Như Lai về việc thuyết giảng Giáo Pháp. Và vì lý do ấy, các đức Như Lai thuyết giảng Giáo Pháp khi được Phạm Thiên thỉnh cầu.”

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, việc giải thích thật là tuyệt hảo. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.”

**Câu hỏi về trạng thái không nỗ lực  
trong việc thuyết giảng Giáo Pháp của đức Thế Tôn là thứ mười.**

\*\*\*\*\*